

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên; ☒ Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Kinh tế**; Chuyên ngành: **Kinh tế Phát triển**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN QUỲNH HOA

2. Ngày tháng năm sinh: 14/02/1979; Nam ☐ ; Nữ ☒ Quốc tịch: **Việt Nam**;

Dân tộc: **Kinh**; **Tôn giáo:** **Không**

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: phường Tân Dân – Thành phố Chí Linh – Tỉnh Hải Dương.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 9 ngõ 19 phố Đông Tác, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Phòng 2401, chung cư VNT 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại di động: 0912344079; **E-mail:** quynhhoa@neu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 6/ 2002 đến 6/ 2003: Giảng viên tập sự, khoa Kế hoạch và Phát triển, trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội
- Từ tháng 6/2003 – 1/2020: Giảng viên khoa Kế hoạch và Phát triển, trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội
- Từ tháng 2/2020 – nay: Giảng viên chính, Khoa Kế hoạch và Phát triển, trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Từ tháng 3/2018 – 11/2018: là phó trưởng Bộ môn Kinh tế Phát triển
- Từ tháng 11/2018 – 4/2024: là trưởng bộ môn Kinh tế Phát triển

Chức vụ: Hiện nay:; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Kế hoạch và Phát triển, trường Kinh tế và Quản lý công, Đại học Kinh tế Quốc dân

Ng

Địa chỉ cơ quan: Phòng 809, tòa nhà A1, Đại học Kinh tế Quốc dân, 207 Giải Phóng - Đồng Tâm - Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024.36.280.280

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):.....

9. Trình độ đào tạo:

- Bằng Tiến sỹ, được cấp ngày **01 tháng 03 năm 2016**; số văn bằng: **005921**; ngành: **Kinh tế**; chuyên ngành: **Kinh tế phát triển**; Nơi cấp bằng ĐH: **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam**
- Bằng Thạc sỹ, được cấp ngày **13 tháng 01 năm 2004**; số văn bằng: **02-164**; ngành: **Kinh tế**; chuyên ngành: **Kinh tế phát triển**; Nơi cấp bằng ThS: **Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội – Việt Nam, hợp tác với Viện Khoa học Xã hội, The Hague - Hà Lan**
- Bằng Đại học thứ nhất, được cấp ngày **07 tháng 8 năm 2000**; số văn bằng: **B196393**; ngành: **Tài chính**; chuyên ngành: **Tài chính Doanh nghiệp**; Nơi cấp bằng ĐH: **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam**
- Bằng Đại học thứ hai, được cấp ngày **22 tháng 10 năm 2001**; số văn bằng: **C59860**; ngành: **Tiếng Anh**; Nơi cấp bằng ĐH: **Trường Đại học Ngoại ngữ, Việt Nam**

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm, ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: **Đại học Kinh tế Quốc dân.**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế.**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu các yếu tố nguồn lực và động lực cho tăng trưởng kinh tế.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 1 bao gồm:

- *Bài báo và báo cáo khoa học:*

+ Số lượng: 25/61 bài

+ Số thứ tự trong mục 7: [1], [7], [15], [17], [18], [19], [20], [22], [23], [31], [33], [34], [35], [36], [39], [40], [41], [42], [43], [44], [47], [51], [52], [56], [60].

Trong đó, bài báo quốc tế uy tín (ISI/ESCI/Scopus) là tác giả chính sau TS:

- Số lượng: 02 bài
- Số thứ tự trong mục 7: [31]; [33]
- *Đề tài NCKH các cấp:*
 - + Số lượng: 04/06 đề tài
 - + Số thứ tự trong mục 6: [1], [2], [3], [6]
- Trong đó, đề tài ứng viên làm chủ nhiệm:*
 - Số lượng: 03 đề tài
 - Số thứ tự trong mục 6: [1], [2], [6]
- *Sách phục vụ đào tạo:*
 - + Số lượng: 06/07 sách
 - + Số thứ tự trong mục 5: [1], [2], [4], [5], [6], [7]
- *Hướng dẫn TS, ThS:*
 - + Số lượng: 02/08
 - + Số thứ tự trong mục 4: [1], [4]

Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu về Phát triển bền vững, cụ thể: sử dụng cách tiếp cận đa chiều, tích hợp giữa các trụ cột trong giải quyết các vấn đề hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 2 bao gồm

- *Bài báo và báo cáo khoa học:*
 - + Số lượng: 36/61 bài
 - + Số thứ tự trong mục 7: [2], [3], [4], [5], [6], [8], [9], [10], [11], [12], [13], [14], [16], [21], [24], [25], [26], [27], [28], [29], [30], [32], [37], [38], [45], [46], [48], [49], [50], [53], [54], [55], [57], [58], [59], [61].
- Trong đó, bài báo quốc tế uy tín (ISI/ESCI/Scopus) là tác giả chính sau TS:*
 - Số lượng: 04 bài
 - Số thứ tự trong mục 7: [24],[28],[29],[30]
- *Đề tài NCKH các cấp ứng viên làm chủ nhiệm:*
 - + Số lượng: 02/06 đề tài
 - + Số thứ tự trong mục 6: [4], [5]
- *Sách phục vụ đào tạo:*
 - + Số lượng: 01/07 sách
 - + Số thứ tự trong mục 5: [3]
- *Hướng dẫn TS, ThS:*
 - + Số lượng: 06/08
 - + Số thứ tự trong mục 4: [2], [3], [5], [6], [7], [8]

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn: **01** NCS bảo vệ thành công luận án TS

- Đã hướng dẫn chính: **07 HVCH** bảo vệ thành công luận văn ThS
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **06 đề tài**, trong đó ;
 - Chủ nhiệm **03 đề tài cấp Bộ và tương đương; 02 đề tài cấp Cơ sở**
 - Thư kí: **01 đề tài cấp Bộ**
- Đã công bố **61 bài báo khoa học**, trong đó:
 - **10 bài báo khoa học** trên các tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus (trong đó có **02 bài có IF>2**)
 - Là tác giả chính của **06 bài báo khoa học** trên các tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus
- Số lượng sách đã xuất bản **7 giáo trình, sách tham khảo, bài giảng và tài liệu hướng dẫn học tập**, trong đó **chủ biên 02 sách tham khảo, 02 tài liệu hướng dẫn học tập**.
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu)

STT	Danh hiệu	Năm nhận
1	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo	Năm 2016 (Quyết định số 2129/ QĐ-BGDĐT ngày 23/06/2016)
2	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Năm 2016 (Quyết định số 2344/ QĐ-BGDĐT ngày 07/07/2016)
3	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Năm 2019 (Quyết định số 4713/ QĐ-BGDĐT ngày 09/12/2019)
4	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Năm 2022 (Quyết định số 4194/ QĐ-BGDĐT ngày 12/12/2022)
5	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (Đại học Kinh tế Quốc dân)	Năm 2025 (Quyết định số 102/ QĐ-ĐHKTQD ngày 23/01/2025)
6	Giấy khen của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Quốc dân về thành tích: Đã hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài đạt 01 giải Nhất, 01 giải Khuyến khích Giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học Trường Đại học Kinh tế Quốc dân” năm 2024	Năm 2024 (Quyết định số 676/ QĐ-ĐHKTQD ngày 26/06/2024)

16. Kỷ luật (hành thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SU

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi được Trường Đại học Kinh tế Quốc dân tuyển dụng làm giảng viên đại học từ tháng 06 năm 2003, nhận bằng Tiến sĩ Kinh tế Phát triển năm 2016 tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Trong suốt thời gian 22 năm qua, với vị trí là một giảng viên đại học, tôi tự đánh giá mình đã có quá trình tu dưỡng phẩm chất đạo đức không ngừng; tìm tòi sáng tạo các phương pháp giảng dạy, nghiên cứu mới để truyền đạt tốt nhất cho các thế hệ sinh viên. Tôi đã chủ động tham gia nhiều đề tài nghiên cứu và hoạt động tư vấn ngoài trường, giảng dạy cho các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh trong và ngoài trường. Những hoạt động đó đã giúp tôi có thêm kinh nghiệm thực tiễn và củng cố khả năng sử dụng ngoại ngữ. Đến lượt mình, những kết quả đó được tôi khai thác và phát huy tối đa trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại trường, cụ thể tôi luôn hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ về giảng dạy các chương trình và bậc học; tham gia sâu rộng và đạt những thành tích nổi bật trong nghiên cứu khoa học thông qua chủ nhiệm và tham gia các đề tài khoa học các cấp, chủ biên và biên soạn các sách phục vụ đào tạo, công bố các bài báo trên các tạp chí và hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Ngoài ra, tôi cũng tham gia đầy đủ và tích cực vào các hoạt động xã hội, phong trào đoàn thể của khoa và trường. Với vai trò là Trưởng Bộ môn giai đoạn 2018 -2024, tôi đã đề xuất cũng như trực tiếp xây dựng, triển khai thực hiện các môn học mới cho ngành Kinh tế Phát triển và Kinh tế Phát triển Chất lượng cao theo hướng hội nhập quốc tế và đáp ứng nhu cầu xã hội.

Về phẩm chất đạo đức: tôi đã không ngừng học tập và rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị và luôn giữ tư tưởng vững vàng với vai trò là một đảng viên. Tôi luôn tự xác định việc giữ gìn hình ảnh, uy tín, phẩm chất đạo đức của người thầy là yếu tố quyết định để làm tốt chức trách của mình. Vì thế, trong công việc và trong cuộc sống, tôi đã nỗ lực tự rèn luyện tu dưỡng phẩm chất đạo đức, chan hòa gần gũi với sinh viên, học viên; thấu hiểu và giúp đỡ các đồng nghiệp trong Bộ môn, Khoa và các đơn vị khác trong nhà trường. Tôi luôn chấp hành tốt các đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước; các nội quy, qui chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường, Khoa và Bộ môn.

Về công tác giảng dạy và hướng dẫn người học: Tôi luôn cố gắng tranh thủ cơ hội để nâng cao trình độ chuyên môn, tích cực tham gia các hội thảo khoa học, hoạt động nghiên cứu và tư vấn cho các Bộ ngành, địa phương và các cơ quan nhà nước, cũng như các cuộc hội thảo quốc tế ở trong và ngoài nước. **Về giảng dạy:** Tôi đã tham gia giảng dạy cho nhiều đối tượng sinh viên, học viên khác nhau như chương trình giảng dạy ở bậc đại học cho các đối tượng đại học chính quy, chính quy chất lượng cao, vừa học vừa làm, các chương trình cao học định hướng nghiên cứu, ứng dụng, việc giảng dạy được thực hiện bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Trong quá trình giảng dạy, tôi không ngừng cập nhật kiến thức, cải tiến phương pháp giảng dạy cho phù hợp với các đối tượng sinh viên. Nhờ đó, tôi thường xuyên được học viên, sinh viên đánh giá cao về

phương pháp giảng dạy, tính nghiêm túc trong công việc và công bằng trong đánh giá. Về công tác hướng dẫn, tôi tham gia hướng dẫn nhiều thế hệ sinh viên và cao học viên, tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh. Đối với sinh viên, tôi vừa hướng dẫn chuyên đề thực tập/ khóa luận tốt nghiệp, đồng thời trực tiếp hướng dẫn các em tham gia phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên (đã có nhiều nhóm đạt giải cao cấp trường). Đối với cao học viên, ngoài chương trình thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế Phát triển và Kế hoạch Phát triển của Đại học Kinh tế quốc dân, tôi cũng tham gia hướng dẫn cho cao học viên chương trình thạc sĩ Kinh tế Phát triển của chương trình cao học Việt Nam – Hà Lan. Kết quả, những cao học viên do tôi hướng dẫn đều đã bảo vệ thành công luận văn với chất lượng tốt và được công nhận học vị thạc sĩ. Tôi đã tham gia hướng dẫn 01 NCS đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ với vai trò hướng dẫn 2.

Về nghiên cứu khoa học: Với quan điểm gắn nghiên cứu khoa học với thực tiễn, tôi đã tham gia tích cực vào các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học trong và ngoài trường và tham gia hoạt động tư vấn cho nhiều Bộ, ngành, địa phương về những lĩnh vực liên quan đến chuyên môn. Các kết quả nghiên cứu và tư vấn thực tiễn đó đã được tôi đúc kết trong các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí có uy tín quốc tế (thuộc danh mục ISI/ Scopus), các tạp chí trong nước, kỷ yếu các hội thảo quốc gia và quốc tế. Tôi cũng đã chủ biên và tham gia viết giáo trình, sách hướng dẫn học tập và sách tham khảo để phục vụ cho đào tạo đại học và sau đại học. Tôi cũng đã chủ trì và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp Cơ sở. Các đề tài đều đúng hạn và đạt kết quả tốt.

Như vậy, tôi nhận thấy mình đã có đầy đủ các tiêu chuẩn của Nhà giáo. Tôi không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực giảng dạy, năng lực nghiên cứu khoa học để đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu đổi mới của đất nước, của ngành, và của Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 22 năm trong đó sau Tiến sĩ: 9 năm 4 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020				13	342	48	390/499/216
2	2020-2021				9	372	96	468/630/216
3	2021-2022			01	10	369	96	465/616/216

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
03 năm học cuối								
4	2022-2023			01	11	384	144	528/720/216
5	2023-2024		01	02	10	387	96	483/625/188
6	2024-2025			01	10	336	96	432/561/200

(*) - Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu. Theo đó, từ năm học 2020 – 2021 trường Đại học Kinh tế Quốc dân quy định định mức giờ chuẩn giảng dạy 1 năm học là 270 giờ chuẩn (quyết định số 929/QĐ-ĐHKTQD ngày 31/12/2020) và từ 01/01/2024 trường Đại học Kinh tế Quốc dân quy định định mức giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên trong 1 năm học là 200 giờ chuẩn (Quyết định số 510/QĐ-ĐHKTQD ngày 28/05/2024)

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: **Trường Đại học Ngoại ngữ, Hà Nội, Việt Nam, số văn bằng: C59860, ngày cấp: 22 tháng 10 năm 2001**

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Chương trình Chất lượng cao, Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam

d) Đối tượng ☐ khác ; Diễn giải:

.....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

.....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BS NT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH / CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
NCS								
1	Nguyễn Văn Đại	X			X	2021-2023	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Bằng tốt nghiệp: Số bằng: 000407; Ngày 31/01/2024
HVCH								
2	Nguyễn Thị Khánh Hường		X	X		2017-2018	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Bằng tốt nghiệp: Số bằng: 001432; Ngày 22/01/2018
3	Souliya Khomsombath		X	X		2018	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Bằng tốt nghiệp: Số bằng: 002528; Ngày 10/10/2018
4	Hoàng Anh Vân		X	X		2020-2022	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Bằng tốt nghiệp: Số bằng: 002115; Ngày 22/04/2022
5	Phạm Thu Thủy		X	X		2021-2023	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Bằng tốt nghiệp: Số bằng: 003459; Ngày 09/02/2023
6	Nguyễn Thị Hồng Xoan		X	X		2022-2024	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Bằng tốt nghiệp: Số bằng: 004717; Ngày 08/03/2024
7	Đặng Văn Hải		X	X		2022-2024	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Bằng tốt nghiệp: Số bằng: 004710; Ngày 08/03/2024
8	Đoàn Bảo Ngân		X	X		2024-2025	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Bằng tốt nghiệp: Số bằng: 000421; Ngày 28/03/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I. TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TS							
I.1 Giáo trình							
1	Kinh tế Phát triển	GT	NXB Đại học KTQD, 2012	13		Chương 8,9 (395-478); chương 15 (734-792)	Đại học Kinh tế Quốc dân
I.2 Sách tham khảo, tài liệu hướng dẫn học tập							
2	Hệ thống tài khoản quốc gia SNA	TK	NXB Đại học KTQD, 2007	03	Đồng chủ biên (02 CB)	Chương 2 (28-92)	Đại học Kinh tế Quốc dân
3	Phát triển bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu	TK	NXB Chính trị quốc gia, 2015 ISBN: 978-604-57-1745-5	17		108 -113, 151 -174	Đại học Kinh tế Quốc dân
II. SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TS							
II.1 Giáo trình							
II.2 Sách tham khảo, tài liệu hướng dẫn học tập							
4	Mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam: Thực trạng và định hướng đến năm 2030	TK	NXB Chính trị quốc gia, 2017 ISBN: 978-604-57-3615-9	11	Đồng chủ biên (02 CB)	41-68; 89-93; 125-134; 259-265	Đại học Kinh tế Quốc dân
5	Quản lý Phát triển	HD	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2020 ISBN: 978-604-946-771-4	3	Đồng chủ biên (02 CB)	29-32; 101-124	Đại học Kinh tế Quốc dân
6	Phát triển kinh tế tư nhân của người Việt Nam trong định hướng và tầm nhìn phát triển mới	TK	NXB Chính trị quốc gia, 2024 ISBN: 978-604-57-7590-5	21		276-297	Đại học Kinh tế Quốc dân

Ny R

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
7	Hướng dẫn học tập Kinh tế Phát triển	HD	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2024 ISBN: 978-604-946-644-1	8	Đồng chủ biên (02 CB)	Phần mở đầu, tóm tắt nội dung các chương, 5-14; Hướng dẫn trả lời chương 1-3	Đại học Kinh tế Quốc dân

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TS				
II	SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TS				
II.1	Đề tài cấp Bộ				
1	Thực trạng tác động tăng trưởng với phát triển văn hóa	CN	Đề tài nhánh thuộc đề tài KX.04.17/16-20 (Tương đương cấp Bộ) Số 249/ QĐ-ĐHKTQD ngày 28/2/2017	2/2017-2/2019	05/06/2019 Xếp loại: Xuất sắc
2	Đánh giá mức độ đạt được các nội dung của hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại	CN	Đề tài nhánh thuộc đề tài KX.04.13/16-20 (Tương đương cấp Bộ) Số 764/ QĐ-ĐHKTQD ngày 25/5/2018	5/2018 - 12/2018	15/11/2018 Xếp loại: Xuất sắc
3	Đổi mới phương thức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học	TK	B2018.KHA.32 (Cấp Bộ) Số 448/QĐ-ĐHKTQD ngày 11/04/2018	4/2018 - 4/2020	10/12/2020 Xếp loại: Đạt

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
4	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tư nhân và doanh nhân Việt trong bối cảnh mới của nền kinh tế thị trường mở định hướng xã hội chủ nghĩa	CN	Đề tài nhánh số 9 thuộc đề tài KX.04.16/21-25 (Tương đương cấp Bộ) Số 3315/ QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2022	12/2022-12/2024	26/08/2025 Xếp loại: Xuất sắc
II.2 Đề tài cấp Cơ sở					
5	Ảnh hưởng của hội nhập cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) tới bình đẳng giới về việc làm và thu nhập ở Việt Nam	CN	KTQD/V2017.17 Đề tài cấp cơ sở Số 90/ QĐ-ĐHKTQD ngày 16/01/2017	1/2017 – 1/2018	04/05/2018 Xếp loại: Tốt
6	Động lực làm việc cho viên chức và người lao động trong trường ĐH Kinh tế Quốc dân	CN	KTQD/ V2019.02NV Đề tài cấp cơ sở Số 152/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2019	1/2019 – 1/2020	23/12/2020 Xếp loại: Tốt

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TS.								
I.1 Bài viết đăng trên Tạp chí								
1.	Nghiên cứu cơ cấu theo khu vực thể chế trong công tác Kế hoạch của Việt Nam	01	x	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			Số đặc san Khoa Kế hoạch và Phát triển, trang 43-44	10/2006

2.	Một số giải pháp thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam	01	x	Tạp chí Quản lý Kinh tế ISSN: 1859-039X			Số 33, trang 30-39	6/2010
3.	Tác động của WTO đến bình đẳng giới ở Việt Nam và các khuyến nghị lồng ghép giới vào hệ thống chính sách của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2015	01	x	Tạp chí Kinh tế đối ngoại ISSN 1859-4050			Số 42, trang 61-65	6/2010
4.	Bình đẳng giới trong lao động và việc làm hướng tới mục tiêu thiên niên kỷ - Từ chính sách tới thực tiễn	01	x	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			Số 156(II); trang 65-71	6/2010
5.	Bình đẳng giới ở Việt Nam dưới góc độ tăng cường “tiếng nói”: Thực trạng và khuyến nghị	02	x	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			Số 172 (II); trang 54-59	10/2011
6.	Những biểu hiện suy giảm hiệu lực của tăng trưởng kinh tế đến tiến bộ xã hội ở Việt Nam và định hướng cải thiện	02		Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			Số đặc biệt; trang 38-45	8/2013
7.	Bản về chủ đề “Đến năm 2020 Việt Nam về cơ bản trở thành nước công nghiệp”	02		Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			Số 201; trang 13-21	3/2014
8.	Bình đẳng giới trong tiếp cận đất đai ở nông thôn: Từ chính sách đến thực tiễn	01	x	Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN 0866-7120			Số 20; trang 28-31	10/2014
9.	Do internal and international remittances matter to health, education and labor of children and adolescents? The case of Vietnam	02		Children and Youth Services Review ISSN: 0190-7409 Link tại đây	Scopus, SSCI, IF: 2.3; Q2	Citation: 2, policy citation: 8 Cite score: 6.3	Vol.58, trang 28-34	11/2015

I.2	Bài viết đăng kỷ yếu Hội thảo khoa học							
10.	Giảm nghèo ở Việt Nam - Thực trạng và thách thức dưới góc độ giới	01	x	Hội thảo khoa học quốc gia: Phát triển bền vững của Việt Nam trong bối cảnh mới của hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu: Thực trạng và những vấn đề đặt ra cho tương lai ISBN: 978-604-73-1928-2			Trang 169 - 174	11/2013
11.	Bảo đảm quyền sử dụng đất cho phụ nữ, một giải pháp giảm nghèo hướng tới phát triển bền vững ở Việt Nam	01	x	Hội thảo khoa học quốc gia: Định hướng và giải pháp phát triển bền vững của Việt Nam trong bối cảnh mới của hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu đến năm 2020, tầm nhìn 2030 ISBN: 978-604-927-863-1			Trang 243-254	12/2014
12.	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển ngành y tế theo hướng tiếp cận quản lý dựa trên kết quả	02		Hội thảo quốc tế dành cho các nhà khoa học trẻ trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh lần thứ 1(ICYREB 2015) ISBN: 978-604-946-051-7			Tập 1, trang 345 - 359	12/2015

II	SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TS							
II.1	Bài viết đăng trên tạp chí							
13.	Assessing The Impact of Economic Growth On Social Advancement in Vietnam	01	x	Journal of Mekong Societies (ACI) ISSN:1686-6541 (print) Link tại đây			Vol.12 Number1, Trang 25-40	4/2016
14.	Bình đẳng giới trong tiếp cận đất sản xuất ở khu vực miền núi phía bắc: Thực trạng và khuyến nghị chính sách	01	x	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			Số 231(II), trang 98-104	9/2016
15.	Impact of remittances on the Economic Growth in Vietnam	03		The International Journal of Nepalese Academy of Management ISSN: 2091-2471			Vol. 5 Number 1, trang 168 - 183	3/2017
16.	Chỉ số HDI: góc nhìn mục tiêu phát triển theo hệ tiêu chí nước công nghiệp hiện đại	01	x	Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN 0866-7120			Số 17, trang 11-14	6/2019
17.	Sử dụng chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu trong đánh giá quá trình phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hiện đại	02	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, bản B (Bộ KHCN) ISSN: 1859-4794			Tập 61 – số 10, trang 7-12	10/2019
18.	Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách chi thường xuyên cho giáo dục đại học ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp	03		Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN 0866-7120			Số 32, trang 16-19	11/2019
19.	The Impacts of Economic Growth and Governance on Migration: Evidence from Vietnam	03		The European Journal of Development Research ISSN: 0957-8811 (print) ISSN: 1743-9728 (online) Link tại đây	Scopus, SSCI Q2, IF: 2.5	Citation : 10	Vol. 32, trang 1195-1229	2/2020

20.	Đại dịch COVID-19: Cơ hội và thách thức cho Giáo dục Đại học Việt Nam	03		Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			Số 274 trang 64-74	4/2020
21.	Việc làm xanh ở Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách nhằm hướng tới phát triển bền vững	01	x	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			Số 278(II) trang 48-57	8/2020
22.	Chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam đến năm 2030: Định hướng và giải pháp chính sách	03		Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ: Chuyên san Kinh tế-Luật và Quản lý ISSN: 2588-1051			Số 6 (3) Trang: 2977-2984	8/2022
23.	Competing or synergistic? An exploratory analysis of a blended relationship between logics in a dilemma of artisan product innovation	03		Journal of Cogent Bussiness & Management ISSN: 2331-1975 Link tại đây	Scopus, Q3	Citation : 2	Vol. 10, Issue 2	5/2023
24.	Impact of the environmental protection tax on household welfare in Vietnam	04	x	Journal of Cogent Economics & Finance Online ISSN: 2332-2039 Link tại đây	Scopus, Q3		Vol 11, Issue 2	10/2023
25.	Financing sustainable development in Vietnam	03	x	Journal of finance & accounting research ISSN: 2588-1493			Số 5 (24) Trang 29-36	10/2023
26.	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng có việc làm xanh của người lao động tại Việt Nam	04	x	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			Số 326(2) Trang 79-88	8/2024
27.	Enablers of private sector engagement for sustainable development in Vietnam	07		Journal of Infrastructure, Policy and Development ISSN: 2572-7923 (Print) ISSN: 2572-7931 (Online) Link tại đây	Scopus, Q3		Vol 8, Issue 9	9/2024

28.	Beyond the Binary: Investigating the Differential Effects of Microcredit on Poor and Near-Poor Households	04	x	Journal of Ecohumanism ISSN: 2752-6798 (Print) ISSN 2752-6801 (Online) Link tại đây	Scopus (2022 – 2024), Q4		Vol. 3, No: 8, trang 4816 – 4831	12/2024
29.	Innovating Distribution Channels through Green Standards: A Configurational Analysis of Technology-Enabled Sustainable Performance	03	x	Journal of Distribution Science Online ISSN: 2093-7717 Link tại đây	Scopus, Q4		Vol. 23, Issue 1, trang 65-78	1/2025
30.	An Examination on the Impact of FDI on Gender Wage Gap: Evidence from Micro Data in Vietnam	03	x	Indian Journal of Economics and Development ISSN 2277-5412 Link tại đây (lưu ý: cần đổi VPN để truy cập link)	Scopus, Q4		Vol. 21 No. 1, trang 11-19	3/2025
31.	Envisioning Future Workforce Adaptability: A Multi-Layered Analysis of Skills Ecosystems in Vietnam's Emerging Economy	03	x	Futures & Foresight Science Online ISSN:2573-5152 Link tại đây	Scopus, Q2		Vol. 7, Issue 1	4/2025
32.	Tích hợp động lực nội tại trong hành vi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của lao động phi chính thức tại Việt Nam	01	x	Tạp chí Quản lý và Kinh tế Quốc tế ISSN: 2615-9848 Link tại đây			Số 174, trang 91-108	5/2025
33.	Assessing the impact of the European Union-Vietnam free trade agreement on labor market and employment in Vietnam	03	x	International Journal of Social Economics ISSN: 0306-8293 Link tại đây	Scopus, Q2	Citation :1	Vol.52, Issue 7, trang 1068-1083	6/2025
II.2 Bài viết đăng kỷ yếu Hội thảo khoa học								
34.	Đảm bảo quyền được đi học của trẻ em – một động lực phát triển kinh tế trong tương lai	01	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Động lực phát triển kinh tế Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến 2035 ISBN: 978-604-946-146-0			Trang 313-326	Tháng 8/2016

35.	Mối quan hệ giữa kiều hồi và tăng trưởng kinh tế - trường hợp nghiên cứu ở Việt Nam	02	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Mối quan hệ giữa kiều hồi và hoạt động đầu tư ở Việt Nam ISBN: 978-604-946-175-0			Trang 111-124	Tháng 9/2016
36.	Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam- nhìn từ góc độ đóng góp của yếu tố TFP	02	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia Triển vọng phát triển kinh tế Việt Nam, vai trò của chính phủ kiến tạo trong việc hoàn thiện thể chế và môi trường kinh doanh ISBN: 978-604-946-221-4			Trang 73-86	Tháng 3/2017
37.	Chỉ số tiến bộ xã hội (SPI) – cách tiếp cận mới đánh giá nước công nghiệp phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu.	02	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại áp dụng cho Việt Nam trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0 ISBN: 978-604-946-245-0			Trang 145-156	Tháng 6/2017
38.	The Impact of Asean Economic Community (AEC) on Demand of Female Labour in Vietnam	02	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: 13th International conference on Humanities and Social Sciences 2017 (IC - HUSO 2017) ISBN (e book: 978 - 616-438-079-0			Trang 1650-1662	Tháng 11/2017

39.	Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Cơ sở khoa học và thực tiễn về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam ISBN: 978-604-946-358-7			Trang 169-186	Tháng 12/2017
40.	Vocation education quality from demand side's perspective, the case of transport technology universities in the north of Vietnam	02	x	Kỷ yếu hội thảo quốc tế: 9th NEU - KKU International Conference on Social – Economic and Environmental issues in Development ISBN: 978-604-65-3529-4			Trang 532-541	Tháng 5/2018
41.	Công nghiệp văn hóa và thực trạng phát triển công nghiệp văn hóa của Việt Nam trong thời gian qua	01	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam: Thực trạng và những vấn đề đặt ra ISBN: 978-604-73-6190-8			Trang 154-171	Tháng 6/2018
42.	Relationship between cultural industry and economic growth in Vietnam	01	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: 14th International conference on Humanities and Social Sciences 2018 (IC - HUSO 2018) ISBN (e book): 978-616-438-332-6			Trang 804-812	Tháng 11/2018

43.	Hướng đi mới trong phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học Việt Nam	02		Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Cơ sở khoa học và thực tiễn đánh giá hiệu lực, hiệu quả chi ngân sách nhà nước cho giáo dục ISBN: 978-604-79-1980-2			Trang 147-157	Tháng 12/2018
44.	Quan điểm, định hướng và giải pháp gắn kết phát triển công nghiệp văn hóa với mục tiêu tăng trưởng nhanh và hiệu quả ở Việt Nam trong thời gian tới	02	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Định hướng và giải pháp giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ xã hội ở Việt Nam ISBN: 978-604-946-503-1			Trang 127-146	Tháng 12/2018
45.	Necessary conditions to develop Energy service company (ESCO) market in Vietnam	02		Kỷ yếu hội thảo quốc tế: 10th NEU – KKU International Conference on Social – Economic and Environmental issues in Development ISBN: 978-604-65-4174-5			Trang 1014-1025	Tháng 5/2019
46.	Bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục ở Việt Nam nhìn từ góc độ chi tiêu cho giáo dục	02	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Đổi mới cơ chế phân bổ chi ngân sách nhà nước cho giáo dục ở Việt Nam ISBN: 978-604-79-2082-2			Trang 236-247	Tháng 5/2019

47.	Managing external debt in Vietnam after becoming a Middle-income country	03		Kì yếu hội thảo khoa học quốc tế: 15th IFEAMA International conference in Kyoto: Innovation management for the sustainable and inclusive development in a transforming Asia ISBN: 978-604-65-4294-0			Trang 321-335	Tháng 6/2019
48.	Gender inequality in education in Northern Midland and Mountainous area in Vietnam	03	x	Kì yếu hội thảo khoa học quốc tế: 15th International conference on Humanities and Social Sciences 2019 (IC – HUSO 2019) ISBN (e book: 978 – 616-438-425-5			Trang 1303-1322	Tháng 11/2019
49.	Valuing the economic cost of drought- the case of Camau province, Vietnam	03	x	Kì yếu hội thảo quốc tế các vấn đề đương đại trong kinh tế và kinh doanh năm 2019 (CIEMB 2019), ISBN: 978-604-946-741-7.			Trang 496-514	Tháng 11/2019
50.	Đánh giá hiệu quả chi đầu tư cho giáo dục trong chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại các tỉnh trung du miền núi phía bắc	02		Kì yếu hội thảo khoa học quốc gia: Phát triển kinh tế địa phương: Định hướng phát triển kinh tế xã hội vùng trung du, miền núi phía bắc đến năm 2030, tầm nhìn 2045. ISBN: 978-604-978-419-4			Trang 563-580	Tháng 12/2019

51.	Phát triển cơ sở hạ tầng giáo dục đáp ứng nhu cầu của khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030: Định hướng và giải pháp chính sách	02	x	Kỉ yếu hội thảo: Phát triển kết cấu hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ISBN: 978-604-946-956-5			Trang 248-257	Tháng 12/2020
52.	Rate Of Return for Higher Education in Vietnam: A Discipline Base Comparative Analysis	02	x	Kỉ yếu hội thảo quốc tế: 13 th NEU-KKU International Conference Socio-Economic and Environmental Issues in Development ISBN: 978-604-79-2811-8			Trang 1705-1714	Tháng 6/2021
53.	Making Government Budgeting More Gender Responsive in Vietnam	02	x	Kỉ yếu hội thảo quốc tế 16th International conference on Humanities and Social Sciences 2021 (IC – HUSO 2021) ISBN (e-book): 978-616-438-676-1			Trang 32-47	Tháng 11/2021
54.	Bàn về tính khả thi của việc thực hiện một số chỉ tiêu SDGs	03		Kỉ yếu hội thảo quốc gia: Phát triển bền vững ở Việt Nam: tiến trình thực hiện và một số khuyến nghị ISBN: 978– 604-330-545-6			Trang 52 - 67	12/2022
55.	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp: Khái niệm, nội hàm và động cơ thực hiện	02	x	Kỉ yếu hội thảo quốc gia: Cơ sở khoa học phát triển kinh tế tư nhân của người Việt Nam trong định hướng và tầm nhìn phát triển mới ISBN: 978-604-330-687-3			Trang 182-198	3/2023

56.	The Impact of the ASEAN Trade in Goods Agreement (ATIGA) on Vietnam's Pangasius Export to ASEAN Markets—A Study of Thailand, Singapore, and Philippines Markets	03	x	Knowledge Transformation and Innovation in Global Society- Perspective in a Changing Asia (2024), Hoa Van Thi Tran et.al edit, Springer ISBN 978-981-99-7300-2 ISBN 978-981-99-7301-9 (eBook) Link tại đây			Trang 597-616	2/2024
57.	Giải pháp phát triển doanh nghiệp tư nhân tạo tác động ở Việt Nam	01	x	Kì yếu hội thảo quốc gia: Định hướng và giải pháp phát triển kinh tế tư nhân của người Việt Nam trong tầm nhìn mới ISBN: 978-604-330-992-8			Trang 479 - 495	5/2024
58.	The impact of housework time on the income of migrant workers	03		Kì yếu hội thảo quốc tế: 19 th NEU-KKU International Conference Socio-Economic and Environmental Issues in Development ISBN: 978-604-79-4446-0			Trang 3167 - 3186	6/2024
59.	Biodiversity Offsets for Sustainable Development: Theoretical Framework and Applicability in Vietnam	02	x	Kì yếu hội thảo quốc tế: Net Zero Emissions and Sustainable Development in Vietnam and Taiwan (China) ISBN: 978-604-4987-08-8			Trang 708 - 719	10/2024

60.	Hoàn thiện chính sách tài chính công nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp tại Việt Nam	02	x	Kỉ yếu hội thảo quốc gia: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp ISBN: 978-604-346-444-3			Trang 13-25	5/2025
61.	The Impacts of Inclusive Agribusiness Model: A Comparative Analysis in Rice Production in Vietnam and Cambodia	02	x	Kỉ yếu hội thảo quốc tế: 21 th NEU-KKU International Conference Socio-Economic and Environmental Issues in Development ISBN: 978-604-79-5010-2			Trang 782-794	6/2025

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **06 bài thuộc danh mục ISI/Scopus – số thứ tự [24], [28], [29], [30], [31], [33].**

Bài báo và báo cáo khoa học theo các hướng nghiên cứu sau:

- **Hướng nghiên cứu 1:** Số thứ tự [1], [7], [15], [17], [18], [19], [20], [22], [23], [31], [33], [34], [35], [36], [39], [40], [41], [42], [43], [44], [47], [51], [52], [56], [60] trong mục 7 (25/61 bài)
- **Hướng nghiên cứu 2:** [2], [3], [4], [5], [6], [8], [9], [10], [11], [12], [13], [14], [16], [21], [24], [25], [26], [27], [28], [29], [30], [32], [37], [38], [45], [46], [48], [49], [50], [53], [54], [55], [57], [58], [59], [61] trong mục 7 (36/61 bài báo).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo ngành Kinh tế Phát triển bậc đại học hệ chính quy năm 2021	Tham gia	Số 114/ QĐ- ĐHKQTĐ ngày 11/03/2021	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Số 1344/ QĐ- ĐHKQTĐ ngày 26/07/2021	

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà nội, ngày 20 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Nguyễn Quỳnh Hoa